TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN TỈNH B	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 36/2022/HS-ST
Ngày 10/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.
*Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Cáp Thị Quyên; 2. Ông Giáp Hồng Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện T.
- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Giáp Văn Hùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/5/2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B; xét xử kín sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2022/TLST-HS ngày 14/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HS ngày 26/4/2022;

Đối với bị cáo: Nguyễn Anh T, sinh năm 1970; nơi ĐKHK: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh T; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Pham Thị T (đều đã chết); vợ: Thân Thị L (đã ly hôn); có 02 con: Con lớn, sinh năm 1995; con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

- Bị hại: Cháu Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 18/10/2007; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.

- Người đại diện của bị hại: Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B.

(Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người trợ giúp pháp lý cho bị hại: Bà Nguyễn Thị Hòa - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 8, phường Q, thành phố T, tỉnh T (có mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà 16, Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Đại diện ĐTN thị trấn N tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Lưu - Bí thư Đoàn thị trấn N (có mặt).

- Đại diện Trường THCS thị trấn N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Luyến - Giáo viên chủ nhiệm (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/12/2021, Cục thực thi luật nhập cư và Hải quan Hoa Kỳ (ICE), Cơ quan Điều tra an ninh nội địa (HIS) gửi văn bản báo cáo đã kiểm tra bản báo cáo từ Trung tâm Quốc gia về trẻ em bị mất tích và bóc lột, cung cấp vào tháng 11/2021 xuất phát từ Công ty Google liên quan đến các văn hóa phẩm nghi vấn đồi trụy mang tính chất xâm hại trẻ em đăng tải lên tài khoản Google Photos liên kết với email "tuancom7040@gmail.com" các thông tin cá nhân như sau: Tên: Tuancom Mr***;*** điện thoại: +84915690131***;*** ngày sinh: 07/07/1970***;*** Email: tuancom7040@gmail.com. đề nghị Bộ Công an triển khai điều tra và hành động nhanh chóng để ngăn chặn việc tiếp tục lạm dụng trẻ em vị thành niên đang diễn ra. Ngày 15/12/2021, Cục đối ngoại - Bộ Công an có văn bản số 5780/V02-P4 gửi Công an tỉnh B đồng thời cung cấp địa chỉ truy cập và mật khẩu báo cáo từ Trung tâm Quốc gia về trẻ em bị mất tích và bóc lột gồm nhiều tập tin được đăng tải qua tài khoản Google thể hiện nội dung mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm trẻ em.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã triển khai đồng bộ các hoạt động điều tra xác định: Nguyễn Anh T, sinh năm 1970; nơi ĐKHKTT: Tổ 1, phường Q, thành phố T, tỉnh T; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B. Ngày 30/12/2021, Nguyễn Anh T đến Công an thị trấn N, huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau:

Nguyễn Anh T chung sống với bà Nguyễn Thị Liên như vợ chồng tại số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B từ năm 2010 đến nay; sống cùng với bà Liên còn có cháu Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 18/10/2007 (con riêng của bà Liên). Kể từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017, lợi dụng lúc bà Liên không có nhà, để thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân; T đã 04 lần thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu M, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào buổi trưa (không nhớ ngày) tháng 6/2016, khi chỉ có T và cháu M ở nhà nằm nghỉ tại ghế sofa ở phòng khách của gia đình, T cởi quần của cháu M ra rồi dùng tay sờ soạng xung quanh bộ phận sinh dục của cháu M khoảng 02 phút đến 03 phút thì dừng lại, sau đó cháu M tự mặc quần.

Lần 2: Vào buổi trưa (không nhớ ngày, tháng) năm 2016) khi chỉ có T và cháu M ở nhà, cháu M đang nằm nghỉ tại phản cạnh ghế sofa của gia đình, T cho cháu M mượn điện thoại di động, sau đó T cởi quần của cháu M ra, rồi tự cởi quần của mình, T dùng tay sờ bên ngoài bộ phận sinh dục, sờ mông, ngực của cháu M; tiếp đó, T dùng miệng hôn, liếm và dùng dương vật cọ sát bên ngoài bộ phận sinh dục của cháu M. Quá trình thực hiện hành vi, T đã dùng điện thoại Iphone 6, lắp sim số 0915690131 của mình quay video lưu lại.

Lần 3: Vào buổi trưa (không nhớ ngày, tháng) năm 2016, khi chỉ có T và cháu M đang nằm nghỉ tại phản cạnh ghế sofa của gia đình, T cởi quần của cháu M ra rồi dùng tay sờ, dùng miệng hôn, liếm bên ngoài bộ phận sinh dục của cháu M, sau đó T cởi khóa quần, đưa dương vật đã cương cứng của mình ra ngoài, cọ sát bên ngoài bộ phận sinh dục của cháu M khoảng 05 phút thì xuất tinh ra ngoài. Quá trình thực hiện hành vi, T đã dùng chiếc điện thoại Iphone 6, lắp sim số 0915690131 của T quay video lưu lại.

Lần 4: Vào buổi trưa (không nhớ ngày) tháng 6/2017, khi chỉ có T và cháu M ở nhà, cháu M đang nằm nghỉ tại phản cạnh ghế sofa, T cởi quần của cháu M ra rồi dùng tay sờ và dùng miệng liếm bên ngoài bộ phận sinh dục của cháu M.

Quá trình thực hiện hành vi dâm ô; T 02 lần dùng điện thoại Iphone 6 của mình để quay video ghi lại hình ảnh thực hiện hành vi dâm ô với cháu M, một thời gian sau T tự xóa nội dung video đó và không đăng lên mạng. Chiếc điện thoại này T lắp sim số 0915690131 đăng ký thông tin cá nhân mang tên Nguyễn Thị Liên được T đăng ký tài khoản zalo mang tên "Ngựa Hoang" tạo lập và sử dụng địa chỉ Email "tuancom7040@gmail.com" để tải một số ứng dụng trên mạng Internet và sử dụng tài khoản Google Photos mang tên "Tuancom Mr" để đồng bộ dữ liệu trên điện thoại của mình với tài khoản Google Photos, nên đến tháng 12/2021 những hình ảnh, video hành vi dâm ô với cháu M đã bị Cục thực thi luật nhập cư và Hải quan Hoa Kỳ (ICE), Cơ quan Điều tra an ninh Nội địa (HIS) phát hiện. T sử dụng chiếc điện thoại trên đến tháng 6/2021 thì bị mất.

Ngày 29/12/2021, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B truy cập đường link được Cục đối ngoại-Bộ Công an cung cấp và tiến hành sao chép toàn bộ dữ liệu điện tử ra đĩa DVD đồng thời in hình ảnh gồm 49 ảnh ra khổ giấy A4. Cơ quan điều tra tiến hành cho bà Liên, T, cháu M trực tiếp xem lại hình ảnh từ video do Bộ Công an cung cấp; bà Liên, T, cháu M đều xác định hình ảnh cháu gái nằm ngửa trên giường, mặc áo, không mặc quần để lộ bộ phận sinh dục là cháu Nguyễn Tuệ M và bộ phận trên cơ thể, bộ phận sinh dục của người nam giới đã trưởng thành là của Nguyễn Anh T.

Tại bản kết luận giám định pháp y tình dục trẻ em số 492/21/TDTE ngày 05/01/2022 của Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh B, kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định; màng trinh giãn rộng, vết rách cũ vị trí 7 giờ. Xét nghiệm dịch âm đạo; không thấy hình ảnh tinh trùng. Siêu âm tử cung phần phụ; không thấy bất thường. Định lượng Beta HCG (Beta human chorionic Ginadotropins); âm tính.

Tại bản kết luận giám định số 357/Kl-KTHS ngày 04/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file video gửi giám định. Các file video đã được biên tập lại, gắn ghép thêm các hiệu ứng, chữ, số trên khung hình video. Tuy nhiên nội dung hình ảnh vẫn liên tục, liền mạch tại các file video. Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file hình ảnh gửi giám định được lưu trữ trong 01 đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam, ký hiệu A1. Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép nội dung trong file hình ảnh có tên "report-6265253360107759960.gif" dung lượng 5,64MB gửi giám định lưu trong 01 đĩa DVD-R nhãn hiệu Maxell, màu cam, được giám định viên ký hiệu A2. Trích xuất được 31 hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc có trong file video gửi giám định.

Quá trình điều tra; cháu Nguyễn Tuệ M và Nguyễn Anh T đều khai: Trong tất cả các lần T thực hiện hành vi: Dâm ô đối với cháu M, T không đe dọa, đánh đập, ép

buộc gì đối với cháu M và T không cho bộ phận sinh dục của mình vào trong bộ phận sinh dục của cháu M, chỉ bảo cháu M im lặng không được nói với ai, nên cháu M không nói. T không thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu M từ khoảng tháng 6/2017cho đến nay.

Tại Cơ quan điều tra; Nguyễn Anh T đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 13/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn Anh T về tội: Dâm ô đối với trẻ em, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa hôm nay; Nguyễn Anh T đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát trình bầy quan điểm và đề xuất: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Xử phạt: Nguyễn Anh T từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội: Dâm ô đối với trẻ em, thời gian tù tính từ ngày tạm giam 30/12/2021. Do bị cáo là người lao động tự do, không có tài sản riêng; nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Vật chứng: Không có, nên không đặt ra xem xét xử lý.

+ Trách nhiệm bồi thường dân sự: Em gái bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; bị hại và người đại diện của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý cho bị hại: Tại thời điểm T thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành; nên để áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, qua so sánh quy định tại Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 146 của Bộ luật hình sự năm 2015; do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố Nguyễn Anh T về tội: Dâm ô đối với trẻ em, theo điểm a khoản 2 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ; nên nhất trí với toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Ý kiến của đại diện ĐTN thị trấn N: Nhất trí với toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Ý kiến của bà Ngọc: Không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà bà đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng nêu trên. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại; người đại diện của bị hại; người làm chứng; đại diện nhà trường, đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hai; ngươi đại diện của bị hại; phù hợp về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội; do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017, tại nhà bà Nguyễn Thị Liên, trú tại: Số nhà 16, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh B; lợi dụng lúc bà Liên vắng nhà; Nguyễn Anh T đã 04 lần thực hiện hành vi dùng tay sờ, miệng, lưỡi hôn, liếm và dùng bộ phận sinh dục cọ sát vào bộ phận sinh dục, bộ phận nhạy cảm của cháu Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 18/10/2007 (con riêng của bà Liên). Trong đó, Luật trẻ em năm 2016, qui định như sau: Điều 1. *Trẻ em là người dưới 16 tuổi.* Khoản 8 Điều 4. *Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em…….*Điều 25. *Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức, để không bị xâm hại tình dục.*

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Anh T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Song, thời điểm này Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành; do đó, để áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội; qua việc so sánh quy định Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 146 của Bộ luật hình sự năm 2015; Viện kiểm sát huyện T, truy tố Nguyễn Anh T về tội: Dâm ô đối với trẻ em, theo điểm a khoản 2 Điều 116 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ.

[4]Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến thể chất, tâm lý, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của bị hại là cháu Nguyễn Tuệ M (mới 09 tuổi), được pháp luật bảo vệ; do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, mới có đủ điều kiện để

giáo dục riêng bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho loại tội này. Song xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS nào theo quy định của Bộ luật hình sự, sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú và tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra, truy tố, xét xử; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Qua so sánh các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 thì thấy không có gì khác nhau, nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sự năm 2015, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Tại khoản 4 Điều 116 Bộ luật hình sự sự năm 1999, quy định: *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.* Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xác định: Bi cáo không đảm nhiệm chức vụ gì trong cơ quan nhà nước hay tổ chức xã hội, bị cáo làm nghề lao động tự do; vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]Về vật chứng: Không có, nên không xem xét xử lý.

[6]Về bồi thường dân sự: Bà Ngọc (em gái bị cáo) đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, đại diện của bị hai không yêu cầu bồi thường gì thêm; bà Ngọc không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ; điểm a khoản 2 Điều 116 Bộ luật hình sự sự năm 1999, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sự năm 2015; Điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 04 năm tù về tội: Dâm ô đối với trẻ em, thời gian tù tính từ ngày 30/12/2021.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Bắc Giang;
-VKS huyện T;
-CA huyện T;
-THA huyện T;
-Bị cáo, người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy